

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

Số: **1998**/EVNNPT-KH

V/v công bố thông tin theo quy định
tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 -06- 2018

Kính gửi:

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐỀ	Số: 3497.....
	Ngày: 14/6/18..
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ số:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp);
- Bộ Công Thương (Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp);
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước, Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp); Bộ Công Thương (Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp); Bộ Tài chính. Các thông tin được quy định như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (tương ứng với phụ lục III quy định tại Điều 12-NĐ8 của Nghị định 81/2015/NĐ-CP).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban PC (công bố tại Website EVNNPT);
- Lưu: VT, KH.



Số: **0 9 6 7** /QĐ-EVNNPT

Hà Nội, ngày 12 -06- 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thông tin trước khi công bố
theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-EVN ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Tờ trình số 1950/TTr-EVNNPT ngày 08/6/2018 của Tổng Giám đốc EVNNPT về việc phê duyệt thông tin trước khi công bố trên trang thông tin điện tử theo quy định của Nghị định 81/2015/NĐ-CP;

Căn cứ kết quả biểu quyết bằng văn bản của các Thành viên Hội đồng thành viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các thông tin để công bố trên trang thông tin điện tử của EVNNPT theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP như Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc EVNNPT, Chánh Văn phòng và Trưởng các ban của EVNNPT căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các TV HĐQT;
- KSV PTC;
- Lưu: VT, TH, KH.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Đặng Phan Tường

Phụ lục

THÔNG TIN THEO PHỤ LỤC III CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2015/NĐ-CP KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM 2016 - 2020 CỦA EVNNPT

(Kèm theo Quyết định số **0 9 6 7** /QĐ-EVNNPT ngày 12 -06- 2018)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng.

Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) hoạt động theo mô hình công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), được thành lập theo Văn bản số 1339/VPCP-ĐMDN ngày 03/3/2008 của Văn phòng Chính phủ về việc thành lập Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia và Quyết định số 223/QĐ-EVN ngày 11/4/2008 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chính thức hoạt động từ ngày 01/7/2008.

EVNNPT hiện có 08 đơn vị thành viên được phân chia theo 03 khối chức năng chính gồm:

- Khối các Công ty Truyền tải điện: gồm 04 Công ty Truyền tải điện 1, 2, 3, 4 với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý vận hành hệ thống điện truyền tải Quốc gia.

- Khối các Ban quản lý dự án: gồm 03 Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Bắc, miền Trung, miền Nam, thực hiện chức năng nhiệm vụ thay mặt EVNNPT quản lý các dự án đầu tư phát triển hệ thống điện truyền tải Quốc gia.

- Khối dịch vụ kỹ thuật: bao gồm Công ty Dịch vụ kỹ thuật truyền tải điện có trụ sở đặt tại TP. Hà Nội, thực hiện chức năng nhiệm vụ chính là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm hệ thống điện truyền tải điện Quốc gia và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực truyền tải điện. Trực thuộc Công ty Dịch vụ kỹ thuật Truyền tải điện có 04 Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật truyền tải điện được tổ chức phân bố tại các khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

EVNNPT hiện có hơn 7.524 cán bộ, kỹ sư, công nhân lành nghề. Vốn điều lệ của EVNNPT đến 31/12/2017 là 24.596 tỷ đồng. Tổng tài sản là 81.178 tỷ đồng tại thời điểm ngày 31/12/2017.

Tính đến tháng 5/2018, EVNNPT quản lý và vận hành tổng cộng trên 7.503 km đường dây 500 kV và trên 16.864 km đường dây 220 kV. Tổng số trạm biến áp (TBA) hiện có là 141 TBA, bao gồm 28 TBA 500 kV và 113 TBA 220 kV với tổng dung lượng máy biến áp là 82.188 MVA. Hệ thống truyền tải điện quốc gia đã vươn tới hầu

hết các tỉnh, thành phố trong cả nước và từng bước kết nối với lưới điện truyền tải của các nước trong khu vực với công nghệ ngày càng hiện đại như đường dây nhiều mạch, nhiều cấp điện áp, cấp ngầm cao áp 220 kV, trạm GIS 220 kV, hệ thống điều khiển tích hợp bằng máy tính, thiết bị định vị sự cố, giám sát dầu online, hệ thống SCADA,...

2. Quá trình phát triển.

2.1 Chức năng nhiệm vụ của doanh nghiệp:

EVNNPT đảm bảo truyền tải điện an toàn, liên tục, ổn định cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và thị trường điện Việt Nam.

2.1.1. Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Hoạt động truyền tải điện theo giấy phép hoạt động điện lực.
- Đầu tư phát triển lưới điện truyền tải.
- Quản lý vận hành, sửa chữa lưới điện.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình lưới điện; Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công các công trình viễn thông và công nghệ thông tin.
- Xây lắp, giám sát lắp đặt thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin.
- Quản lý, vận hành, sửa chữa hệ thống thông tin viễn thông nội bộ.
- Thí nghiệm điện.
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho quản lý, vận hành, sửa chữa lưới điện.
- Hoạt động tự động hóa và điều khiển.

2.2. Ngành, nghề liên quan phục vụ trực tiếp ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, xuất nhập khẩu, kinh doanh vật tư, thiết bị lưới điện, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình lưới điện.
- Kinh doanh dịch vụ công nghệ thông tin.
- Hoạt động của các cơ sở điều dưỡng.
- Cho thuê máy móc, thiết bị.
- Vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Các ngành nghề khác được EVN chấp thuận theo quy định của pháp luật.

3. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Phát triển Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia đến năm 2020 trở thành một trong bốn tổ chức truyền tải điện hàng đầu khu vực ASEAN, năm 2025 trở thành một trong các tổ chức truyền tải điện thuộc 10 nước hàng đầu châu Á và đến năm 2030 đạt trình độ tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực truyền tải điện.

Mục tiêu chiến lược

a) Đảm bảo truyền tải điện an toàn, liên tục, ổn định cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và thị trường điện Việt Nam. Năm 2020 sản lượng điện truyền tải đạt khoảng 225 tỷ kWh, năm 2025 đạt khoảng 351 tỷ kWh, năm 2030 đạt khoảng 502 tỷ kWh, năm 2040 đạt khoảng 774 tỷ kWh.

b) Đầu tư và phát triển hệ thống truyền tải điện hiện đại, đảm bảo truyền tải điện an toàn, liên tục, ổn định với độ tin cậy cao và đảm bảo an ninh lưới điện.

c) Xây dựng mô hình tổ chức, quản trị doanh nghiệp tiên tiến, hiện đại, khoa học hướng đến hiệu quả cao.

d) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu - phát triển và tăng cường đổi mới công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 trong công tác đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, quản trị doanh nghiệp.

e) Đảm bảo tình hình tài chính ổn định, lành mạnh cho các hoạt động của EVNNPT. Giá truyền tải điện phải đảm bảo đáp ứng cho công tác quản lý vận hành, đầu tư xây dựng và các hoạt động khác của EVNNPT và EVNNPT có mức lợi nhuận hợp lý, đủ để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với hệ thống truyền tải điện.

f) Nâng cao hiệu quả chất lượng dịch vụ đối với các khách hàng đầu nối vào lưới truyền tải điện. Nâng cao thương hiệu và phát triển bền vững EVNNPT.

g) Phát triển liên kết lưới điện để tận dụng hiệu quả khai thác tài nguyên và vận hành hệ thống truyền tải điện. Xây dựng lưới điện liên kết với Lào và các nước trong khu vực với mục tiêu đến năm 2020 nhập khẩu khoảng 1.000 MW, năm 2025 khoảng 3.000 MW và đến năm 2030 khoảng 5.000 MW. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực quản lý vận hành, dịch vụ kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp tầm cỡ khu vực, châu lục và thế giới để có thể xuất khẩu các dịch vụ này sang các nước khác.

h) Phát triển văn hóa doanh nghiệp EVNNPT, hướng đến mục tiêu đa dạng trong văn hóa nhưng thống nhất trong nhận thức. Phát triển EVNNPT bền vững, đảm bảo môi trường xanh - sạch - an toàn, đảm bảo điều kiện của người lao động, công bằng xã hội, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của EVNNPT phù hợp với các quy định của Việt Nam và quốc tế.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Nội dung như Quyết định số 155/QĐ-EVN ngày 23/5/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (gửi kèm theo).

Số: 155/QĐ-EVN

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020
của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 13/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh / thành phố giai đoạn 2011-2015 có xét đến 2020, Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh / thành phố giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-EVN ngày 02/10/2015 của Tập đoàn về việc phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả SXKD và Năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-HĐTV ngày 24/4/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia phát triển hiệu quả, bền vững; Đảm bảo vận hành hệ thống truyền tải điện an toàn, liên tục và ổn định; Xây dựng hệ thống truyền tải điện quốc gia hiện đại; Xây dựng mô hình tổ chức, quản trị chuyên nghiệp hướng đến hiệu quả cao nhất.

II. NHIỆM VỤ CHÍNH

1. Đầu tư phát triển lưới điện truyền tải theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Tập đoàn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Đảm bảo truyền tải điện an toàn và ổn định.

3. Thực hiện các giải pháp nhằm giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, kinh doanh, đầu tư.

4. Nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

5. Thực hiện phương án tái cơ cấu giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt để tập trung vào thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ truyền tải điện năng.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

a) Kế hoạch sản lượng điện truyền tải

Bảng 1. Kế hoạch sản lượng điện truyền tải giai đoạn 2016-2020

	2016	2017	2018	2019	2020
SL điện truyền tải (tr.kWh)	156.160	166.176	181.200	200.500	219.200
Tốc độ tăng trưởng (%)	11,73%	6,41%	9,04%	10,65%	9,33%

b) Chỉ tiêu tổn thất

Bảng 2. Chỉ tiêu tổn thất giai đoạn 2016-2020

	2016	2017	2018	2019	2020
Tổn thất điện năng (%)	2,39	2,45	2,37	2,34	2,15
So với năm trước (%)	+0,05	+0,06	-0,08	-0,03	-0,19

c) Chỉ tiêu suất sự cố

Bảng 3. Chỉ tiêu suất sự cố giai đoạn 2016 - 2020

Chỉ tiêu		Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
ĐZ 500 kV	KD		0,067	0,107	0,111	0,095	0,081
	TQ		0,054	0,080	0,068	0,058	0,050
Trạm biến áp 500 kV			0,231	0,185	0,186	0,159	0,135
ĐZ 220 kV	KD		0,078	0,138	0,142	0,121	0,103
	TQ		0,155	0,348	0,349	0,297	0,253

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020
Trạm biến áp 220 kV		0,140	0,204	0,192	0,163	0,139
Số vụ sự cố/100 km		0,196	0,393	0,593	0,546	0,500
Thời gian bình quân xử lý sự cố	phút	42,65	31,5	37,45	33,75	30,00
Tổng sản lượng điện truyền tải không cung cấp được trong năm	%	0,0166	0,00208	0,007	0,0049	0,0038

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

a) Mục tiêu đầu tư

Triển khai đầu tư các công trình lưới điện phù hợp với Quy hoạch, khắc phục tình trạng quá tải, nghẽn mạch, cải thiện chất lượng điện áp và đáp ứng mục tiêu đến năm 2020 hệ thống lưới điện truyền tải cơ bản đạt tiêu chuẩn độ tin cậy N-1 để đảm bảo cung ứng điện với độ tin cậy được nâng cao.

b) Nhiệm vụ đầu tư

- Lưới điện truyền tải 500kV được xây dựng để truyền tải điện năng từ các trung tâm điện lực lớn về trung tâm phụ tải, liên kết các hệ thống điện miền.

- Lưới điện truyền tải 220kV xây dựng theo cấu trúc mạch vòng, các trạm biến áp trong khu vực có mật độ phụ tải cao cần đảm bảo thiết kế theo sơ đồ hợp lý để đảm bảo có thể vận hành linh hoạt.

- Duy trì các đường dây liên kết hiện hữu để mua bán điện với các nước trong khu vực. Đầu tư các đường dây truyền tải phía Việt Nam để nhập khẩu điện từ các nhà máy thủy điện khu vực Nam Lào và Trung Lào. Tiếp tục nghiên cứu hợp tác, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực ASEAN và GMS.

- Trong giai đoạn 2016-2020, hoàn thành đưa vào vận hành 261 công trình (gồm 57 công trình 500kV và 204 công trình 220kV) với tổng chiều dài ~10.820 km và tổng dung lượng TBA ~60.050MVA. Trong đó tập trung đầu tư và đảm bảo tiến độ các công trình lưới điện quan trọng như:

- + Các công trình nâng cao năng lực hệ thống điện Bắc - Nam: các ĐD 500kV Vũng Áng - Dốc Sỏi - Pleiku 2, Trạm 500kV Pleiku 2, các tuyến ĐD 220kV Đồng Hới - Đông Hà - Huế (mạch 2), Quảng Ngãi - Phước An - Tuy Hòa - Nha Trang - Tháp Chàm, Phan Thiết – Phú Mỹ 2...

- + Các công trình lưới điện đồng bộ các nguồn điện: các ĐD 500kV Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên, Sông Mây – Tân Uyên, Duyên Hải - Mỹ Tho - Đức Hòa, Sông Hậu - Đức Hòa, Long Phú - Ô Môn; các ĐD 220kV Long Phú - Sóc Trăng, Long Phú - Cần Thơ - Trà Nóc, TBA 500kV Tân Uyên, Lai Châu, Nâng CS các trạm 500kV Sơn La, Thanh Mỹ, các công trình 220kV đấu nối TTĐL Thái Bình, TĐ Xêkaman 1, TĐ Trung Sơn, Thượng Kon Tum, Pác Ma...

- + Các công trình cấp điện cho các trung tâm phụ tải lớn TP. Hà Nội, TP. Hồ

Chí Minh và các vùng kinh tế trọng điểm: các trạm 500kV Phố Nối, Đông Anh, Tây Hà Nội, Việt Trì, Đức Hòa, các ĐD 500-220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2, Thường Tín - Tây Hà Nội, các ĐD 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội, Cầu Bông - Hóc Môn - Rẽ Bình Tân...

Danh mục các công trình lưới điện 500-220kV hoàn thành giai đoạn 2016-2020 tại Phụ lục 1 kèm theo.

c) Kế hoạch vốn đầu tư

- Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 là 104.970 tỷ đồng, trong đó:

+ Giá trị đầu tư thuần: 74.525 tỷ đồng ;

+ Trả nợ gốc và lãi vay: 30.445 tỷ đồng.

Bảng 4. Tổng hợp cân đối vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 (Đơn vị: tỷ đồng)

TT	Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
I	TỔNG ĐẦU TƯ	20.734	17.904	18.107	24.555	23.670	104.970
1	Trả nợ gốc và lãi vay	6.758	6.311	5.328	6.839	5.209	30.445
2	Đầu tư thuần	13.976	11.593	12.779	17.716	18.461	74.525
a	Lưới điện 500kV	5.636	4.431	6.829	9.424	8.666	34.986
b	Lưới điện 220kV	7.577	6.352	5.228	7.692	9.195	36.044
c	Lưới điện 110kV	1	0	0	0	0	1
d	Đầu tư khác	762	810	722	600	600	3.494

- EVNNPT tập trung mọi nỗ lực, huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020.

3. Kế hoạch tài chính

a) Mục tiêu

- Cân bằng tài chính, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, sản xuất kinh doanh có lãi.

- Tăng năng suất lao động hàng năm, đảm bảo tốc độ tăng năng suất lao động cao hơn tốc độ tăng tiền lương.

b) Chỉ tiêu

- Khả năng thanh toán ngắn hạn >1.

- Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu ≤ 3 lần.

- Hệ số bảo toàn vốn ≥ 1.

- Đảm bảo hoạt động SXKD có lãi đạt và vượt kế hoạch EVN giao.
- Tỷ lệ tự đầu tư $\geq 30\%$.
- Giá thành truyền tải đạt KH giao

Bảng 5. Kế hoạch giá thành truyền tải giai đoạn 2016-2020

	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
Giá thành truyền tải bình quân	đ/kWh	103,5	108,3	102,27	99,00	100,4

c) Vốn điều lệ

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Tập đoàn sẽ xem xét phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ của EVNNPT giai đoạn sau năm 2018 phù hợp với vốn điều lệ Tập đoàn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Kế hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động và năng suất lao động

a) Kế hoạch sử dụng lao động

Bảng 6. Kế hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động 2016-2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Lao động sử dụng bình quân	Người	7.783	7.719	7.691	7.767	7.823
	<i>Tr.đó: LD SXKD điện</i>	Người	7.332	6.891	6.592	6.661	6.712
2	Kế hoạch tuyển dụng	Người			166	289	224

b) Năng suất lao động

Bảng 7. Chỉ tiêu năng suất lao động 2016-2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020
1	Theo SL điện truyền tải	Tr.kWh/ng	21,33	24,15	27,49	30,10	32,66
	<i>Tăng trưởng</i>			13,2%	13,8%	9,5%	8,5%
2	Số lượng lao động/km ĐĐ	Ng/km	0,311	0,283	0,248	0,225	0,211
	<i>So với năm trước</i>			-9,0%	-12,4%	-9,3%	-6,2%
3	Số lao động/MVA trạm biến áp	Ng/MVA	0,103	0,088	0,073	0,065	0,060
	<i>So với năm trước</i>			-14,6%	-17,0%	-11,0%	-7,7%

5. Phương án tái cơ cấu, sắp xếp lại mô hình tổ chức

Thực hiện theo Quyết định số 139/QĐ-EVN ngày 31/7/2017 của Tập đoàn.

6. Kế hoạch đào tạo

Giai đoạn 2016-2020 EVNNPT thực hiện tốt các chương trình đào tạo chuyên gia theo kế hoạch đào tạo của EVNNPT và Tập đoàn.

- Nghiên cứu kết hợp đào tạo chuyên gia công nghệ trong các gói thầu mua

sắm vật tư thiết bị. Tạo điều kiện để đội ngũ chuyên gia đã được đào tạo áp dụng kiến thức vào thực tế.

- Rà soát, chuẩn hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, sát hạch và thi nâng bậc, giữ bậc trong EVNNPT, đảm bảo đánh giá đúng trình độ, năng lực đội ngũ công nhân và có định hướng đúng đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ công nhân sản xuất trực tiếp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ vào công tác đào tạo, xây dựng bài giảng E-Learning trong các lĩnh vực quản lý của truyền tải điện.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp trong cung ứng điện và giảm tổn thất trên lưới truyền tải

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành, kiểm tra, thí nghiệm định kỳ, sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy trình quy phạm, xiết chặt kỷ cương, kỷ luật vận hành. Nghiên cứu các giải pháp hữu hiệu để giảm sự cố do sét đánh.

- Áp dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực truyền tải điện: Lưới điện thông minh, công nghệ điều khiển xa, trạm không người trực, thiết bị GIS, ứng dụng các thiết bị FACTS, lắp đặt tụ bù để nâng cao khả năng truyền tải, độ tin cậy, ổn định HTTTĐ và nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện các qui chế, qui định, qui trình vận hành, thiết kế,... Xây dựng hệ thống thông tin QLVH; tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và khả năng giải quyết sự cố, đảm bảo lưới điện luôn sẵn sàng trong mọi phương thức vận hành.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để giảm TTĐN như: Thường xuyên duy trì kiểm tra, xử lý các điểm phát nhiệt tăng cao; phối hợp chặt chẽ với các Tổng công ty phân phối để cập nhật kịp thời nhu cầu phát triển phụ tải khu vực, đảm bảo tiến độ các dự án ĐTXD; trên cơ sở đó, phân tích, tính toán và đề xuất phương thức vận hành tránh tình trạng quá tải, non tải trong vận hành.

- Tăng cường công tác điều tra, phân tích sự cố để rút kinh nghiệm, đưa ra các giải pháp xử lý hiệu quả và kịp thời. Tăng cường công tác phòng chống lụt bão và kiểm tra, bảo vệ hành lang tuyến đường dây truyền tải điện.

- Xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng các công trình lưới điện và đảm bảo tiến độ thực hiện theo kế hoạch.

2. Giải pháp về đảm bảo tài chính

- Xây dựng giá truyền tải điện hợp lý để đảm bảo SXKD, tự chủ tài chính, đảm bảo lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính theo quy định.

- Bám sát kế hoạch tài chính dài hạn của EVN để lập kế hoạch tài chính của EVNNPT đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD, thu xếp đủ vốn cho các dự án ĐTXD đặc biệt là các công trình trọng điểm.

- Hoàn thiện các bộ định mức chi phí trong hoạt động truyền tải điện theo hướng công khai, minh bạch, tính đúng, tính đủ, là cơ sở điều chỉnh giá truyền tải theo định hướng của Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ Công thương, Bộ Tài chính. Xây dựng các định mức chi phí chi tiết trong hoạt động truyền tải điện làm cơ sở đánh giá hiệu quả trong chỉ đạo và điều hành của từng đơn vị.

- Tăng cường kiểm soát dòng tiền, nhằm đảm bảo cho hoạt động SXKD và tối ưu trong hoạt động đầu tư.

- Tập trung triển khai thực hiện tốt công tác tiết kiệm chống lãng phí theo Quyết định 408/QĐ-EVN ngày 24/4/2017 về Ban hành Chương trình tổng thể của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 và giai đoạn 2016-2020 trong SXKD và ĐTXD theo các chỉ tiêu, nhiệm vụ EVN và Tổng công ty đề ra. Xây dựng hệ thống các định mức kinh tế, kỹ thuật, tài chính, qui trình, qui định làm cơ sở cho quản lý có hiệu quả.

- Thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm EVNNPT lập kế hoạch Quyết toán đồng bộ xây dựng kế hoạch năm, báo cáo Tập đoàn.

3. Giải pháp cho đầu tư xây dựng

- Chủ động triển khai các dự án lưới điện truyền tải theo Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh để chủ động thực hiện các thủ tục thu xếp vốn, bố trí mặt bằng, thỏa thuận tuyến, chuẩn bị đầu tư để triển khai các dự án đảm bảo tiến độ đề ra.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình đầu tư các công trình lưới điện theo qui hoạch và kế hoạch 5 năm được duyệt, đánh giá khả năng truyền tải - cung ứng điện trên địa bàn quản lý của EVNNPT và theo từng khu vực và báo cáo Tập đoàn trong tháng 3 năm tiếp theo.

- Phê duyệt chi tiết tiến độ thực hiện từ khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi hoàn thành đối với các dự án lưới điện tại Phụ lục 1 và báo cáo Tập đoàn trước 30/5/2018 để làm cơ sở quản lý thực hiện.

- Đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư, công tác đấu thầu để đảm bảo tiến độ triển khai các dự án ĐTXD theo kế hoạch. Rà soát, nghiên cứu ban hành quy trình thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định trình duyệt các hồ sơ dự án trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư phù hợp với các quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng và rút ngắn thời gian xử lý.

- Áp dụng thiết kế dự án lưới điện theo Quy định về công tác thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp từ 110kV đến 500kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-EVN ngày 01/11/2017, suất vốn đầu tư đường dây và trạm biến áp theo chỉ đạo của HĐTV.

- Cân đối sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả. Trong kế hoạch hàng năm cân xác định thứ tự ưu tiên để cân đối, bố trí vốn cho các dự án đảm bảo mục tiêu đầu tư.

- Chủ động xây dựng, tính toán nhu cầu vốn theo các dự án để làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước để thu xếp vốn. Đa dạng các hình thức huy động nguồn vốn trong nước và quốc tế để đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho đầu tư xây dựng, tìm kiếm nguồn vốn tín dụng hỗ trợ xuất khẩu của nước ngoài thông qua việc đấu thầu cung cấp thiết bị hoặc đấu thầu EPC; huy động vốn bằng hình thức phát hành trái phiếu trong nước và phát hành trái phiếu quốc tế. Định kỳ 6 tháng và cả năm báo cáo Tập đoàn tình hình thu xếp vốn đầu tư các dự án điện.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến như công nghệ GIS, 3D và ảnh chụp hàng không trong việc khảo sát tuyến, nhằm nâng cao hiệu quả công tác lựa chọn tuyến, xây dựng TMĐT và TDT sát với thực tế.

- Nâng cao năng lực các Ban Quản lý dự án; Thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo Quy chế phân cấp quyết định đầu tư của Tập đoàn; Tập trung lực lượng để giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong quá trình đầu tư xây dựng các dự án.

- Tăng cường công tác quản lý hợp đồng và quản lý chất lượng các nhà thầu xây lắp, cung cấp VTTB. Kiên quyết loại bỏ các nhà thầu không đủ năng lực làm ảnh hưởng tới chất lượng và tiến độ của dự án. Trong công tác đấu thầu và ký kết hợp đồng, khi các gói thầu thực hiện đấu thầu sai tiến độ với KHĐT đã được phê duyệt thì cần hiệu chỉnh ngay tiến độ đấu thầu, hoặc tiến thực hiện hợp đồng để đảm bảo tiến độ giữa các hợp đồng được đồng bộ. Tránh tình trạng cứ ký kết hợp đồng xong lại đề nghị nhà thầu giảm tiến độ cung cấp, mặc dù đã biết vấn đề này trước khi mở thầu/hoặc đang trong quá trình xét thầu.

- Cân đối khối lượng quản lý dự án giữa các đơn vị để phát huy tối đa năng lực hiện có của các ban QLDA. Lấy mục tiêu tiến độ, chất lượng và hiệu quả của dự án làm thước đo năng lực điều hành của các Ban QLDA.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá đầu tư.

- Phối hợp tốt giữa ngành điện và địa phương nhằm tranh thủ sự ủng hộ của địa phương để giải quyết nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân hiểu, đồng thuận đối với công tác đầu tư xây dựng và bảo vệ các công trình lưới điện truyền tải.

4. Ứng dụng công nghệ mới để giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động

- Từng bước tự động hóa công tác quản lý, vận hành các trạm biến áp thông qua việc đầu tư trang bị các thiết bị điều khiển từ xa, trang bị hệ thống thông tin liên lạc thông suốt; nâng cao trình độ công nghệ thông tin để giảm dần biên chế vận hành trong các trạm biến áp.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trên lưới điện để giảm tổn thất và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện: Xây dựng các nguyên tắc và yêu cầu kỹ thuật, công nghệ cho VTTB sử dụng trên lưới điện; thu thập số liệu vận hành từ xa thông qua các giải pháp đọc dữ liệu từ xa trên cơ sở nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống SCADA; Đẩy mạnh ứng dụng GIS trong công tác quản lý tài sản lưới điện, vận hành lưới điện và

phục vụ khách hàng; Từng bước xây dựng hệ thống lưới điện thông minh trong công tác quản lý vận hành hệ thống điện; hệ thống điều khiển giám sát và thu thập dữ liệu, thiết bị đo đạc và kiểm soát chất lượng điện năng (PQ - Power Quality).

- Xây dựng Đề án "Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào hoạt động SXKD của EVN" của đơn vị mình, báo cáo Tập đoàn và triển khai thực hiện theo yêu cầu của Ban chỉ đạo.

5. Giải pháp về quản lý, tổ chức, phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo theo kế hoạch đề ra hàng năm để xây dựng nguồn nhân lực đủ mạnh, đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động của Tổng công ty.

- Thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động và bảo đảm thu nhập cho người lao động.

- Hoàn thiện công tác quản trị các đơn vị thành viên một cách toàn diện về mô hình tổ chức, quản lý tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển.

- Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ đảm bảo thực hiện đúng cơ chế, chính sách theo khuôn khổ pháp luật Nhà nước hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Ban chỉ đạo tổ chức giám sát thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 97/QĐ-EVN ngày 03/4/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Ban Chỉ đạo) chỉ đạo, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này. Giao Tổ công tác giám sát tổ chức thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ giai đoạn 2016-2020 của các Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực TP.Hà Nội, Tổng công ty Điện lực TP.Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 114/QĐ-EVN ngày 01/6/2016 giúp Ban Chỉ đạo đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Quyết định này, Tổ trưởng Tổ công tác quyết định thành viên thường trực và thành phần tổ công tác.

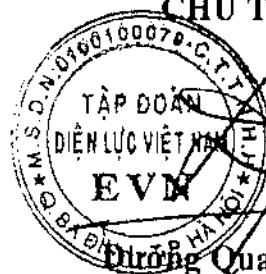
Điều 4. Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- HĐTV;
- Các PTGD;
- KSVNN;
- Các Ban EVN;
- Lưu: VT, TH.HĐTV, KH.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Trương Quang Thành

Phụ lục 1

CÁC CÔNG TRÌNH 500-220KV HOÀN THÀNH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 155/QĐ-EVN ngày 23/5/2018)

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
A	LƯỚI ĐIỆN 500KV		
I	Năm 2016		
1	TBA 500 kV Phố Nối và các ĐD đầu nối	2x1,2+4x10	600
2	Trạm 500 kV Pleiku 2	2x3,8	
3	ĐD 500kV ND Duyên Hải - Mỹ Tho	2x113	
4	Nâng công suất TBA 500kV Sơn La		2x450→450+900
5	Lắp MBA 500/220kV TBA 500kV Pleiku 2		1x450
6	Đầu nối NMD Vĩnh Tân 4 vào HTĐ Quốc Gia	2x1,864	
7	TBA 500kV Mỹ Tho và các ĐD đầu nối (lắp MBA 500kV)		900
8	Nâng công suất TBA 500kV Thường Tín		600→900
9	Mở rộng ngăn lộ ĐD tại trạm 500kV Quảng Ninh và trạm 500kV Hiệp Hòa để đầu nối ĐD 500kV Quảng Ninh-Hiệp Hòa (mạch 2)		
II	Năm 2017		
10	TBA 500kV Đông Anh	2x1,675	900
11	ĐD 500kV đầu nối NMND Thăng Long	2x4,039	
12	ĐD 500/220kV Hiệp Hoà - Đông Anh - Bắc Ninh 2	1x43+2x43+4x6	
13	Lắp máy 2 Trạm 500kV Cầu Bông		900
14	Lắp máy 2 TBA 500kV Pleiku 2		1x450
15	Lắp máy 2 TBA 500kV Phố Nối		600
16	Nâng công suất TBA 500kV Thường Tín (giai đoạn 2- lắp MBA 220kV thứ 2)		1x250
17	Lắp đặt ngăn lộ tại TBA 500 kV Duyên Hải đầu nối NMD Duyên Hải 3 MR		
18	Nâng công suất MBA 500kV SSP NMND Vũng Áng		450→900
19	Trạng bị kháng điện bù ngang trên lưới 500kV: Vũng Áng, Pleiku 2, Đak Nông, Di Linh, Sông Mây, Cầu Bông		6 bộ x 128MVar
III	Năm 2018		
20	Nâng công suất TBA 500kV Sơn La		450+900→2x900
21	TBA 500kV Lai Châu		1x450+1x250
22	Lắp máy 2 TBA 500kV Đông Anh		900
23	Trạm 500kV Việt Trì và đầu nối	2x2,5+4x16	450
24	Nâng công suất TBA 500kV Phố Nối		2x600→600+900
25	TBA 500kV Tây Hà Nội	0	900
26	ĐD 500kV Tây Hà Nội - Thường Tín	2x39,97	
27	Nâng công suất Trạm 500kV Tân Định		450→900
28	Trạm 500kV Tân Uyên	4x(10,5+1,9)	900+250
29	ĐD 500kV Sông Mây - Tân Uyên	2x7,8+4x15,5	
30	ĐD Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - rẽ Tân Uyên	2x233,84	
31	ĐD 500kV NĐ Long Phú-Ồ Môn	2x85,2	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
32	Thay dây chống sét thứ 2 trên ĐD 500 kV Bắc - Nam mạch 1 bằng dây chống sét có kết hợp cáp quang OPGW		
IV	Năm 2019		
33	Lắp máy 2 TBA 500kV Việt Trì		450→2x450
34	ĐD 500kV NĐ Quảng Trạch - Vũng Áng và SPP 500kV TTDL Quảng Trạch	2x18	
35	ĐD mạch kép 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	2x484	
36	ĐD mạch kép 500kV Đốc Sỏi - Pleiku 2	2x208	
37	TBA 500kV Chơn Thành (trạm Mỹ Phước)	2x0,1+2x0,4; 4x7,6+2x1	900+250
38	Trạm 500kV Đức Hoà và đầu nối	2x12,4+4x24,4+4x29,8	900
39	ĐD 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa	2x60	
40	TBA 500kV Mỹ Tho (m2)		900
41	TBA 500kV Tân Uyên (m2)		900
42	Nâng công suất Máy 2 TBA 500kV Tân Định		450→900
43	Nâng công suất TBA 500kV Đốc Sỏi		450→450+600
44	Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực Miền Bắc.		
45	Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực Miền Trung.		
46	Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực Miền Nam.		
V	Năm 2020		
47	ĐD 500/220kV Nho Quan - Phú Lý - Thường Tín	6&3&2&1x3,9+3 9+2,6+32	
48	Lắp máy 2 TBA 500kV Lai Châu		450
49	Nâng công suất TBA 500kV Quảng Ninh		2x450→2x600
50	Nâng công suất TBA 500kV Nhà Bè		2x600→2x900
51	Nâng công suất Máy 2 TBA 500kV Ô Môn		600→900
52	ĐD 500kV Sông Hậu - Đức Hòa	2x138	
53	ĐD 500 kV Đức Hòa - Chơn Thành	2x104	
54	TBA 500kV Long Thành	4x8+4x8	900+250
55	ĐD 500kV Long Thành - Phú Mỹ - Rẽ Sông Mây	2x16	
56	Trạm 500kV Cù Chi và ĐD đầu nối	2x20	900
57	Lắp MBA thứ 2 TBA 500kV Đức Hòa		900
B	LƯỚI ĐIỆN 220 KV		
I	Năm 2016		
1	Nâng công suất MBA 220kV TBA 220kV Huế		2x125→125+250
2	ĐD 220kV Vũng Áng-Ba Đồn-Đồng Hới (GD2)	2x86	
3	TBA 220kV Than Uyên và đầu nối	2x24,6	250
4	Lắp máy 2 TBA 220kV Tuy Hòa		1x125
5	Lắp máy 2 TBA 220kV Thuận An		250
6	Nâng công suất TBA 220 kV Krôngbuk		2x125→125+250
7	Lắp MBA 220kV tại TBA 500kV Nho Quan và mở rộng ngăn lộ		125
8	ĐD 220kV Thái Bình - Kim Động	2x46,2	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
9	ĐD 220kV Xekaman 1-Pleiku 2	2x103+4x16	
10	Thay MBA AT2 TBA 500kV Đà Nẵng		125→250
11	Thay máy TBA 220kV Dốc Sỏi		125
12	TBA 220kV Sơn Tây và đầu nối	1x3,8	250
13	TBA 220kV Mỏ Cà	2x 0,46	125
14	Nâng công suất TBA 220kV Bến Tre		250
15	Nâng công suất TBA 220kV Cao Lãnh (máy thứ 2)		125→250
16	Mở rộng ngăn lộ 220kV Cát Lái		
17	TBA 220kV Hàm Tân	11,5	250
18	Lắp máy thứ 2 TBA 220kV Bim Sơn		250
19	Lắp MBA 220kV thứ 2 TBA 500kV Hà Tĩnh		125
20	Lắp máy 2 TBA 220kV Yên Bái		125
21	TBA 220kV Mỹ Xuân	2 x 0,16	2 x 250
22	Trạm 220kV Đức Trọng+ Nhánh rẽ	2x7,1	125
23	Nâng công suất TBA 220kV Thanh Hóa từ 2x125MVA lên (125+250) MVA		125→250
24	Treo dây M2 ĐD 220kV Hòa Khánh - Huế	90	
25	Nâng công suất TBA 220kV Vật Cách		2x125→125+250
26	ĐD 220kV Cầu Đông - Hóc Môn -Rẽ Bình Tân	2x7,2+2x7,6	
27	Nâng công suất TBA 220kV Vĩnh Yên		125→250
28	Lắp MBA 220kV thứ 2 TBA 500kV Quảng Ninh		125→125+250
29	TBA 220kV Ngũ Hành Sơn và ĐD 220kV Đà Nẵng - Quận 3	11,25	250
30	Nâng công suất TBA 220kV Hòa Khánh		125
31	TBA 220kV Bảo Lâm và đầu nối	2x14,2	1x125
32	ĐD 220 kV Phan Thiết-Phú Mỹ 2	2x144	
33	Nâng công suất TBA 220kV Hoàn Bồ từ 2x125MVA lên (125+250) MVA		125→250
34	ĐD 220kV đầu nối TĐ Trung Sơn	2x57,4	
35	Nâng công suất TBA 220kV Lào Cai		250
36	TBA 220kV Sơn Hà		2x125
37	Lắp máy 2 TBA 220kV Sóc Trăng		125
38	TBA 220kV Vũng Tàu	2x1	1x250
39	TBA 220kV Tây Hà Nội		250
40	TBA 220kV Long Biên và đầu nối		250
41	TBA 220kV Đông Anh		250
42	Lắp máy 2 TBA 220kV Kim Động		250
43	Nâng công suất trạm 220kV Kiên Bình		2x125→125+250
II	Năm 2017		
44	ĐD 220kV Bảo Thắng - Yên Bái	2x117	
45	Lắp máy 2 TBA 220kV Cao Bằng		125
46	ĐD 220kV Hoà Bình - Tây Hà Nội	2&4x50,6	
47	TBA 220kV Bắc Ninh 3 và đầu nối	2x4,7	250
48	Lắp máy 2 TBA 220kV Bắc Ninh 2		250

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
49	TBA 220kV Thái Thụy		250
50	TBA 220kV Trục Ninh		250
51	ĐD 220kV Trục Ninh cắt ĐD 220kV Ninh Bình - Nam Định	2x29,5	
52	ĐD 220kV mạch kép Thái Bình - Tiền Hải - Trục Ninh	2x42,2	
53	Lắp máy 2 TBA 220kV Đô Lương		125
54	Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện miền Bắc		8 TBA
55	Lắp máy 2 TBA 220kV Thanh Mỹ		125
56	ĐD 220kV Quảng Ngãi - Qui Nhơn	2x142,4	
57	Trạm cắt 220kV Phước An		
58	Trạm 220kV Phù Mỹ		1x125
59	Nâng công suất TBA 220kV Nha Trang		125+250→2x250
60	Trạm 220kV Tháp Chàm (Máy 2)		1x125
61	ĐD220kV cấp điện cho NM điện phân nhôm Đắk Nông	2x12,74	
62	Lắp máy 2 TBA 220kV Tây Ninh		250
63	Thay MBA trạm 220 kV Bình Long		125→250
64	ĐD 220kV Tân Uyên-Thuận An	2x0,7+4x11,9	
65	Cải tạo ĐD 220kV Phú Lâm-Hóc Môn 1 thành 2 mạch	2x19	
66	Thay dây siêu nhiệt ĐD 220kV Phú Mỹ - Mỹ Xuân	2x2,16	
67	Thay MBA 100MVA bằng MBA 250 MVA trạm 220 kV Trà Nóc		100→250
68	Cải tạo, nâng cấp ĐD 220kV Cai Lậy - Cao Lãnh	2x57	
69	Lắp máy 2 TBA 220kV Trà Vinh		125
70	Lắp đặt tụ bù ngang trên lưới truyền tải điện miền Nam		5TBA
III	Năm 2018		
71	Lắp máy 2 TBA 220kV Đông Anh		250
72	Lắp MBA 220kV thứ 2 TBA 500kV Hiệp Hòa		250
73	ĐD 220kV nhánh rẽ TBA 220kV Tây Hà Nội	4x12,7	
74	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Tây Hà Nội		250
75	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Bắc Ninh 3		250
76	TBA 220kV Bảo Lâm (M2)		1x125
77	Lắp máy 2 các TBA 220kV Hà Giang, Tuyên Quang, Bảo Thắng		125+125+250
78	TBA 220kV Lưu Xá	2x5	250
79	TBA 220kV Phú Thọ	2x7	250
80	TBA 220kV Quang Châu	4x6	250
81	Nâng công suất TBA 220kV Đồng Hòa		125+250→2x250
82	Nâng công suất trạm 220kV Hải Dương 1		125→250
83	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Hải Dương 2		250
84	Cải tạo, nâng khả năng tải cho ĐD 220kV Hà Đông - Phù Lý	1x43	
85	TBA 220kV Thanh Nghị		250
86	ĐD 220kV Nho Quan - Thanh Nghị	2x25	
87	Thay dây nâng khả năng tải ĐD 220kV Nho Quan - Thanh Hóa	62,76	
88	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Trục Ninh		250
89	ĐD 220kV Ninh Bình - Nam Định	2&3x34,7	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
90	Nâng công suất TBA 220kV Nghi Sơn từ (125+250)MVA lên 2x250MVA và mở rộng 02 ngăn lộ 110kV		125+250→2x250
91	Trạm 220kV Nông Cống	4x1,2	250
92	TBA 220kV Quỳnh Lưu	4x5	250
93	Nâng công suất MBA 220kV TBA 500kV Hà Tĩnh		125→250
94	ĐD 220kV mạch 2 Đông Hới - Đông Hà	107	
95	ĐD 220kV mạch 2 Đông Hà - Huế	87	
96	TBA 220kV Phong Điền	4x5	1x125
97	TBA 220kV Quảng Ngãi (M2)		1x125
98	Nâng công suất các trạm biến áp 220kV: Quy Nhơn, Nha Trang, Krông Buk, Bảo Lộc, máy biến áp 220kV trong trạm 500kV Pleiku		125→250; 125→250; 125→250; 63→125; 125→250
99	Lắp MBA trong trạm cắt Phước An		1x125
100	Lắp máy 2 TBA 220kV Dung Quất		125→125+250
101	Treo dây mạch 2 ĐD 220 kV Tuy Hòa - Nha Trang	128,8	
102	Lắp MBA thứ 2 TBA220kV Kon Tum		1x125
103	Trạm 220kV Đắk Nông		2x125
104	ĐD 220kV Di Linh-Bảo Lộc	33	
105	ĐD 220kV Bình Long-Tây Ninh	2x64	
106	Lắp máy 2 trạm 220kV Uyên Hưng		250
107	Trạm 220kV Bến Cát	2x0,145+2x0,15	250
108	Lắp máy 2 trạm 220kV Đức Hòa		250
109	Lắp máy 2 trạm 220kV Vũng Tàu		250
110	Lắp MBA thứ 3 TBA 220KV Tân Thành (KCN Phú Mỹ 2)		250
111	Lắp MBA thứ 2 TBA 220KV TP. Nhơn Trạch (Bàu Sen)		250
112	Cải tạo ĐD 220kV Phú Lâm - Cai Lậy 2	70,9	
113	Cải tạo, nâng cấp ĐD 220kV Cao Lãnh - Thốt Nốt	2x31,2	
114	Trạm 220kV Cần Thơ		250
115	ĐD 220kV NMD Long Phú - Sóc Trăng	2x34,6	
116	ĐD 220kV NMD Long Phú - Cần Thơ-Trà Nóc	2x47,8+4x27,7	
117	Kéo dây mạch 2 ĐD 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	1x80	
118	Nâng công suất TBA 220kV: Trà Vinh, Cà Mau và Lắp đặt các ngăn lộ 110kV trạm 220kV Bến Tre		125→250 125→250
IV	Năm 2019		
119	TBA 220kV Thủy Nguyên	4x2	250
120	TBA 220kV Lạng Sơn		125
121	ĐD 220kV Bắc Giang-Lạng Sơn	1x101,6	
122	ĐD 220kV Nha Trang-Tháp Chàm	2x87	
123	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Than Uyên		250
124	Lắp MBA thứ 2 TBA 220KV Sơn Tây		1x250
125	Nâng công suất TBA 220kV Phú Lý		125+250→2x250
126	Nâng khả năng tải ĐD 220kV Hòa Bình - Chèm	70	
127	Nâng khả năng tải ĐD 220kV Hòa Bình - Hà Đông	2x62	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
128	Cải tạo ĐD 220kV Hà Đông - Chèm	1x17	
129	Trạm 220kV Tây Ninh 2	2x5	2x250
130	Mở rộng TBA 220kV Đình Vũ		250
131	Cải tạo ĐD 220kV Đồng Hòa - Thái Bình	2x53	
132	Cải tạo ĐD 220kV Phú Mỹ-Long Thành	2x24,9	
133	Lắp MBA trạm 220kV Bắc Kạn		1x125
134	ĐD 220kV Pleiku 2 - An Khê	1x120	
135	ĐD 220kV Thượng Kon Tum-Quảng Ngãi	2x76	
136	Trạm 220kV Văn Phong	4x3	1x250
137	Trạm 220kV Bến Lức	2x10	250
138	Trạm 220kV Châu Đức	4x2	250
139	Trạm 220kV Tân Uyên (m2)		250
140	Trạm 220kV Tam Phước	2x2	250
141	Lắp máy 2 TBA 220kV Hàm Tân		250
142	Nâng công suất TBA 220kV Sóc Trăng		125→250
143	Nâng công suất trạm 220kV Trà Vinh		125→250
144	Nâng công suất TBA 220kV Hưng Đông		125+250→2x250
145	Thay dây tăng cường khả năng tải ĐD 220 kV Nhà Bè - Phú Lâm (đoạn Bình Chánh-Phú Lâm)	2x8,7	
146	Treo dây mạch 2 đoạn Thanh Hóa - Nghi Sơn - Quỳnh Lưu trên ĐD 220kV Thanh Hóa - Vinh	1x100	
147	Trạm 220kV Hải Châu và ĐD220kV Hòa Khánh - Hải Châu	2x10	1x250
148	TBA 220kV Mường La và đầu nối	2x1,5	2x125
149	TBA 220kV Yên Mỹ và đầu nối	2x2	1x250
150	Trạm 220kV Lai Châu (máy 2)		250
151	TBA 220kV Mường Tè		1x250
152	Đường dây 220kV Mường Tè - Lai Châu	2x80	
153	Cải tạo ĐD 220kV Yên Bái - Việt Trì	2x67	
154	Đường dây 220kV NĐ Hải Dương - trạm 500kV Phố Nối (bao gồm cả ĐDK220kV NĐ Hải Dương - rẽ Phả Lại - Hải Dương 2)	2x60+4x2	
155	Nâng công suất TBA 220kV Dung Quất		125+250→2x250
156	Nâng công suất TBA 220kV Ngũ Hành Sơn		250→2x250
157	Trạm 220kV Xuân Lộc (m2)		250
158	Thay dây siêu nhiệt ĐD Bến Tre - Mỹ Tho	2x15,95	
159	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	2x50	
160	Lắp MBA thứ 2 TBA 220KV Bến Cát		250
161	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Đông Hà		125
162	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Đức Trọng		125
163	Trạm 220kV Cam Ranh và đầu nối	4x2	1x250
164	TBA 220kV Châu Thành (Hậu Giang)		250
165	TBA 220kV Nghĩa Lộ và ĐD đầu nối	2x93	1x250
V	Năm 2020		
166	ĐD 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	2x65	
167	Cải tạo ĐD 220kV từ Hòa Bình - TBA 500kV Việt Trì - Sóc Sơn	50+49,6+40,2+27,4	

STT	Danh mục dự án	Quy mô	
		Chiều dài (km)	Công suất (MVA)
168	TBA 220kV Bắc Ninh 4 và đầu nối	2x11	1x250
169	Lắp MBA 220kV thứ 2 TBA 500KV Nho Quan		125
170	TBA 220kV Văn Điển và đầu nối	4x7	2x100
171	Cải tạo ĐD 220kV Thái Nguyên - Bắc Giang	1x68	
172	Cải tạo ĐD 220kV Phả Lại - rẽ NĐ Hải Dương	2x17	
173	TBA 220kV Vũng Áng và đầu nối	2x3	125
174	TBA 220kV Chư Sê và đầu nối	2x2	1x125
175	Trạm 220kV Duy Xuyên và ĐD 220kV từ trạm 500kV Thanh Mỹ - Duy Xuyên	4x2+2x57	125
176	TBA 220kV Yên Hưng và đầu nối	2x12	250
177	TBA 220kV Lao Bảo và ĐD 220kV Lao Bảo - Đông Hà	2x52	125
178	Trạm 220kV An Phước	4x5	2x250
179	TBA 220kV Bến Cát 2 và đầu nối	4x2	2x250
180	Cải tạo ĐD 110 kV Nhiệt điện Phú Mỹ - Tân Thành thành ĐD 4 mạch hỗn hợp 220-110kV	2x11	
181	ĐD 220kV Sông Mây - Tam Phước	2x20	
182	ĐD 220kV Tân Sơn Nhất - Thuận An	2x15	
183	ĐD 220kV từ TBA 500kV Long Thành - Công nghệ cao	2x25	
184	ĐD 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	2x20	
185	ĐD 220kV Thốt Nốt - Long Xuyên - Châu Đốc	2x69	
186	ĐD 220kV Cù Chi - Trảng Bàng	2x15	
187	Nâng công suất MBA thứ 2 TBA 220kV Vĩnh Long 2		125+250→2x250
188	Trạm 220kV Phan Rí	4x2	250
189	Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Phú Thọ		250
190	Thay MBA thứ 2 trạm 220 kV Bình Long		125+250→2x250
191	Trạm 220kV Krông Ana và đầu nối (Cư Kuin)	2x12	2x125
192	Nâng công suất TBA 220kV Huế		125+250→2x250
193	Nâng công suất TBA 220kV Hòa Khánh		125+250→2x250
194	Cáp ngầm Tân Cảng-Tao Đàn	2x7	
195	Trạm 220kV Giá Rai	4x2	125
196	ĐD 220kV Lào Cai-Bảo Thắng và MRNL tại TBA 220kV Bảo Thắng	1x17	1 ngăn lộ 220kV
197	TBA 220kV nối cấp trong trạm 500KV Phố Nối		2x250
198	TBA 220kV Tương Dương và đường dây đầu nối	2x3	125
199	Mạch 2 đường dây 220 kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình	2x74	
200	TBA 220KV Khu kinh tế Nghi Sơn		2x250
201	TBA 220 kV Bá Thiện và ĐZ 220 kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện	2x38	250
202	Lắp MBA thứ 2 trạm 220 kV Tam Kỳ (220/110kV-125MVA) và các ngăn lộ 110kV TBA 220 kV Tam Kỳ		125
203	Trạm biến áp 220 kV Sơn Động và ĐZ 220 kV đầu nối	2x2	250
204	Cải tạo ĐD 220kV NĐ Phả Lại - Bắc Giang	26,9	